
Bản án số:40/2020/HS-ST
Ngày 14 tháng 8 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN G, TỈNH N

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Q

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công H, ông Hoàng Quốc T.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh N tham gia phiên tòa: Ông Trần Hồng M - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 32/2020/TLST-HS, ngày 14/7/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXXST - HS ngày 31 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn N, tên gọi khác: Không, sinh năm 1970 tại G, G, N.

Nơi cư trú: Thôn Thanh Uy, xã G, Huyện G, tỉnh N; Quốc tịch Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: Lớp 6/10 ; con ông Bùi Văn Y và bà Trần Thị T, có vợ là Nguyễn Thị H và 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2005.

Tiền án, tiền sự: Không.

Lịch sử bản thân: Ngày 16/12/2014, Đoàn Công an Khu công nghiệp Gián Khẩu, Huyện G, tỉnh N Bình ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 1.000.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”. Chấp hành xong ngày 19/12/2014.

Biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

Bị cáo bị tạm giữ 05 ngày từ ngày 09/4/2020 đến ngày 14/04/2020.

2. Hà Thế D, tên gọi khác: Không, sinh năm 1979 tại G, G, N.

Nơi cư trú: Thôn Thanh Uy, xã G, Huyện G, tỉnh N; Chỗ ở hiện nay : Thôn Trung Hòa xã G, Huyện G, tỉnh N; Quốc tịch Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: Lớp 12/12; con ông Hà Văn H và bà Đào Thị L, có vợ là Bùi Thị T và 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2011.

Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 127/QĐ/UBKTHU ngày 16/7/2020 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy G.

Tiền án, tiền sự: Không.

Biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào.

3. Cao Văn N, tên gọi khác: Không, sinh năm 1982 tại G, G, N.

Nơi cư trú: Thôn Hoàng Quyền, xã G, Huyện G, tỉnh N; Quốc tịch Việt Nam.
Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: Lớp 9/12; con ông Cao Xuân X và bà Nguyễn Thị X, có vợ là Trần Thị N, chưa có con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào.

4. Lê Văn P, tên gọi khác: Không, sinh năm 1982 tại G, G, N.

Nơi cư trú: Thôn Bích Sơn, xã G, Huyện G, tỉnh N; Quốc tịch Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: Lớp 12/12; con ông Lê Văn V và bà Đoàn Thị L, có vợ là Trần Thị L và 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2010.

Tiền án, tiền sự: Không.

Biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

Bị cáo bị tạm giữ 05 ngày từ ngày 09/4/2020 đến ngày 14/04/2020.

5. Cao Xuân B, tên gọi khác: Không, sinh năm 1979 tại G, G, N.

Nơi cư trú: Thôn Hoàng Quyền, xã G, Huyện G, tỉnh N; Quốc tịch Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: Lớp 5/12; con ông Cao Xuân X và bà Nguyễn Thị X, có vợ là Bùi Thị A và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không.

Biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

Bị cáo bị tạm giữ 05 ngày từ ngày 09/4/2020 đến ngày 14/04/2020.

6. Trần Văn P, tên gọi khác: Không, sinh năm 1985 tại G, G, N.

Nơi cư trú: Thôn Cầu Vàng, xã G, Huyện G, tỉnh N; Quốc tịch Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Thiên chúa giáo. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: Lớp 7/12; con ông Trần Văn V và bà Phạm Thị L, có vợ là Bùi Thị T và 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không.

Biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

Bị cáo bị tạm giữ 05 ngày từ ngày 09/4/2020 đến ngày 14/04/2020.

7. Nguyễn Văn N, tên gọi khác: Không, sinh năm 1994 tại G, G, N.

Nơi cư trú: Thôn Cầu Vàng, xã G, Huyện G, tỉnh N; Quốc tịch Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Thiên chúa giáo. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: Lớp 9/12; con ông Nguyễn Hải Đ và bà Trần Thị P, chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

Bị cáo bị tạm giữ 05 ngày từ ngày 09/4/2020 đến ngày 14/04/2020.

8. Lê Văn T, tên gọi khác: Không, sinh năm 1987 tại Thị trấn M, G, N.

Nơi cư trú: Phố M, Thị trấn M, Huyện G, tỉnh N; Quốc tịch Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Lái máy xúc; Trình độ văn hoá: Lớp 12/12; con ông Lê Văn G và bà Đinh Thị H, có vợ là Vũ Thị Q và 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không.

Biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

Bị cáo bị tạm giữ 05 ngày từ ngày 09/4/2020 đến ngày 14/04/2020.

9. Trương Quang L, tên gọi khác: Không, sinh năm 1992 tại G, G, N.

Nơi cư trú: Thôn Thần Thiệu, xã G, Huyện G, tỉnh N; Quốc tịch Việt Nam.
Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: Lớp 12/12; con ông Trương Văn T và bà Vũ Thị V, có vợ là Bùi Thị H và 02 con, con lớn sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2018.

Tiền án: Ngày 28/9/2017, bị Tòa án nhân dân huyện G xử phạt 10.000.000 đồng, về tội: “Đánh bạc”, tại bản án số 59/2017/HSST. Chấp hành xong ngày 10/4/2020.

Tiền sự: Không.

Biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào.

10. Trần Đức H, tên gọi khác: Không, sinh năm 1964 tại G, G, N.

Nơi cư trú: Thôn Thanh Uy, xã G, Huyện G, tỉnh N; Quốc tịch Việt Nam.
Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: Lớp 7/10; con ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị L, có vợ là Nguyễn Thị M và 02 con, con lớn sinh năm 1988, con nhỏ sinh năm 1989.

Tiền án: Không,

Tiền sự: Ngày 28/01/2020, bị Công an xã G, huyện G ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 1.500.000 đồng, về hành vi: “Đánh bạc”. Chấp hành xong ngày 31/01/2020.

Lịch sử bản thân: Ngày 16/12/2014, Đồn Công an khu Công nghiệp Gián Khẩu xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 1.000.000 đồng, về hành vi: “Đánh bạc”. Chấp hành xong ngày 19/12/2014.

Biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Đức H, sinh năm 1987- Vắng mặt.

Trú tại: Thôn Thanh Uy, xã G, Huyện G, tỉnh N.

2. Chị Vũ Thị Q, sinh năm 1990 - Vắng mặt.

Trú tại: Phố Me, Thị trấn M, Huyện G, tỉnh N.

3. Ông Trần N H, sinh năm 1953- Vắng mặt.

Trú tại: Thôn Cầu Vàng, xã G, Huyện G, tỉnh N

4. Ông Trần Đăng P, sinh năm 1959 - Vắng mặt.

Trú tại: Thôn Tập N, xã G, Huyện G, tỉnh N.

Người làm chứng: Bùi Văn Sơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 13 giờ ngày 09/4/2020, Bùi Văn N cùng với Hà Thế D và Cao Văn N ngồi chơi uống nước tại nhà N, ở thôn Thanh Uy, xã G, Huyện G. Quá trình ngồi uống nước nói chuyện, N lấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, vỏ màu xanh của D gọi đến điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, vỏ màu đen của Trương Quang L, nói: “Có đĩa thì sang đây mà đĩa các bác này” - ý rủ L vào nhà N đánh bạc, L đồng ý. Khoảng 13 giờ 05 Phút cùng ngày, L đi đến nhà N

ngồi uống nước cùng với D, N và N. Lúc này N nói với mọi người: “Anh em làm tý” - ý rủ D, N và L đánh bạc, mọi người đều đồng ý. Sau đó, N lấy 01 bộ tú lơ khơ 52 quân để trên cửa sổ nhà mình đưa cho L để L chia bài và cùng với L, D và N ngồi xuống chiếu chiếu đã trải sẵn dưới nền phòng khách từ trước để đánh bạc bằng hình thức đánh “Liêng” được thua bằng tiền với mức thấp nhất mỗi ván là 20.000 đồng, cao nhất là 200.000 đồng. Khoảng 10 phút sau thì lần lượt có Trần Đức H và Lê Văn P đến tham gia đánh bạc cùng với L, D, N và N. Khoảng 14 giờ 30 Phút cùng ngày, Cao Xuân B đi đến nhà N chơi và đứng xem các đối tượng trên đánh bạc. Do thấy bộ bài đang sử dụng để đánh bạc đã cũ nên D lấy 20.000 đồng ở trong sổ tiền đặt cược dưới chiếu bạc và nhờ B đi mua bộ bài mới, B nhận tiền đi ra hàng tạp hóa gần nhà N mua 01 bộ tú lơ khơ 52 quân. Trên đường đi, B nhận được điện thoại của Nguyễn Văn N hỏi: “Đang ở đâu, có chỗ chơi không” - ý N hỏi B xem có chỗ đánh bạc không; B trả lời: “Cứ xuống nhà văn hóa thôn Thanh Uy anh ra đón”. Sau đó, N nhờ Trần Văn P chở đến thôn Thanh Uy, xã G, đến nơi, B đón P và N vào nhà N. Khi đến nhà N, B đưa bộ bài mới cho các đối tượng đánh bạc, N cất bộ bài cũ lên cửa sổ, sau đó N, D, H, L, N và P tiếp tục đánh bạc còn P, N và B ngồi xem. Đến khoảng 15 giờ 00 Phút cùng ngày, L và H thua hết tiền nên đi về thì lần lượt P, N và B vào tham gia đánh bạc cùng với N, D, N và P. Khoảng 15 giờ 30 Phút cùng ngày, Lê Văn T đi đến nhà N và tham gia đánh bạc cùng với P, N, B, N, D, N và P. Sau đó, lần lượt N và D thua hết tiền nên nghỉ không đánh bạc nữa và đi về. Khoảng 17 giờ 40 Phút cùng ngày, khi P, N, B, P, T và N đang đánh bạc thì bị tổ công tác của Công an Huyện G phối hợp với Công an xã G phát hiện, bắt quả tang.

Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 1.600.000 đồng; 01 bộ tú lơ khơ 52 quân và 01 chiếu cói. Thu giữ tại cửa sổ phòng khách nhà Bùi Văn N 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, tại nóc tủ cạnh chiếu bạc số tiền 810.000 đồng, tại gầm tủ số tiền 3.770.000 đồng.

Thu giữ trong người N 01 điện thoại di động nhãn hiệu MobiiStar, vỏ màu đen; của P 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, vỏ màu đen; của N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, vỏ màu bạc và số tiền 1.000.000 đồng; của B 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung A20, vỏ màu xanh và số tiền 1.400.000 đồng; của P 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, vỏ màu vàng, 01 ví giả da màu nâu và số tiền 3.700.000 đồng; của T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, vỏ màu bạc. Ngoài ra còn thu giữ trong sân nhà N 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave 110, biển kiểm soát 35H5-0417, màu xanh; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave 110, biển kiểm soát 18C1-015.00, màu đỏ - đen; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Future Neo, biển kiểm soát 35H5-7034, màu đỏ - đen và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave 110, biển kiểm soát 35N1-3101, màu xanh.

Quá trình điều tra xác định tổng số tiền các đối tượng Bùi Văn N, Lê Văn P, Cao Xuân B, Trần Văn P, Nguyễn Văn N, Lê Văn T, Hà Thế D và Cao Văn N sử dụng vào việc đánh bạc ngày 09/4/2020 là 5.280.000 đồng (bao gồm 1.600.000 đồng thu trên chiếu bạc; 1.000.000 đồng thu của N; 1.400.000 đồng thu của B; 810.000 đồng thu trên nóc tủ do N vứt vào và 470.000 đồng nằm trong số tiền 3.770.000 đồng của Lê Văn P đã vứt trong gầm tủ khi bị bắt quả tang).

Đối với Trần Đức H và Trương Quang L là hai đối tượng đã ra về trước khi cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang. Quá trình đánh bạc H và L tham gia đánh bạc cùng với N, P, D và N. Như vậy số tiền H và L sử dụng vào việc đánh bạc là

1.620.000 đồng (bao gồm 800.000 đồng của N; 270.000 đồng của P; 70.000 đồng của D; 30.000 đồng của H; 250.000 đồng của L và 200.000 đồng của Cao Văn N).

Viện kiểm sát nhân dân Huyện G đã ra quyết định chuyển số tiền 12.280.000 đồng đến tài khoản tạm gửi của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện G, chuyển 02 bộ bài tú lơ khơ mỗi bộ 52 quân và 01 chiếc còi, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A20 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 vỏ màu bạc đến kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện G

Quá trình điều tra vụ án, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản cáo trạng số 37/CT- VKS- GV, ngày 13/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện G đã truy tố các bị cáo ra trước Tòa án nhân dân Huyện G để xét xử về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại gì về Bản cáo trạng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố vẫn giữ N quan điểm truy tố như Bản cáo trạng đã nêu, sau khi luận tội đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội “Đánh bạc”. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; các Điều 36, 47 Bộ luật Hình sự (BLHS), Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS). Xử phạt bị cáo Trương Quang L từ 15 (Mười lăm) đến 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 03 ngày tạm giữ tương ứng với 09 ngày cải tạo không giam giữ; khấu trừ thu nhập hàng tháng từ 10 đến 15% tương ứng số tiền từ 370.000 đồng/tháng đến 555.000 đồng/tháng để nộp ngân sách Nhà nước. Phạt bổ sung bị cáo L từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng; Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 36, 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS: Xử phạt bị cáo Trần Đức H từ 12 (Mười hai) đến 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ thu nhập hàng tháng từ 10 đến 15% tương ứng số tiền từ 400.000 đồng/tháng đến 600.000 đồng/tháng để nộp ngân sách Nhà nước. Phạt bổ sung bị cáo H từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng Thời hạn chấp hành án của các bị cáo L, H tính từ ngày UBND xã G và UBND xã G, Huyện G nhận được bản sao bản án và Quyết định thi hành án. Giao bị cáo Trương Quang L cho UBND xã G, Huyện G, tỉnh N và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Giao bị cáo Trần Đức H cho UBND xã G, Huyện G, tỉnh N và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án; Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS (Riêng bị cáo N áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS): Xử phạt bị cáo Bùi Văn N từ 26.000.000 đồng đến 27.000.000 đồng; Xử phạt các bị cáo Lê Văn P, Cao Xuân B, Trần Văn P, Nguyễn Văn N, Lê Văn T mỗi bị cáo từ 25.000.000 đồng đến 26.000.000 đồng; Xử phạt các bị cáo Hà Thế D, Cao Văn N mỗi bị cáo từ 24.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng; Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 5.280.000 đồng (Năm triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) đang gửi tại tài khoản tạm gửi của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện G, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A20 vỏ màu xanh và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 vỏ màu bạc. Trả lại cho bị cáo Lê Văn P số tiền 3.300.000 đồng và trả lại cho bị cáo Trần Văn P số tiền 3.700.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án; Tịch thu tiêu huỷ 02 bộ bài tú lơ khơ mỗi bộ có 52 quân, 01 chiếc còi.

Tại phiên tòa các bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận gì. Được nói lời sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS). Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Phân tích những chứng cứ xác định có tội:

Tại phiên tòa các bị cáo hoàn toàn nhận tội. Lời nhận tội của các bị cáo cùng các chứng cứ khác thể hiện rõ: Xuất phát từ việc có quen biết nhau nên khoảng 13 giờ ngày 09/4/2020, Hà Thế D và Cao Văn N có đến nhà Bùi Văn N ngồi chơi uống nước tại nhà N. Sau đó N đã lấy chiếc điện thoại di động của D gọi cho Trương Quang L với chủ ý rủ L vào nhà N đánh bài ăn tiền, L đồng ý. Khoảng 13 giờ 05 Phút cùng ngày, L đi đến nhà N. Lúc này N nói với mọi người: “Anh em làm tý” - ý rủ D, N và L đánh bài ăn tiền, mọi người đều đồng ý. N, L, D và N đã ngồi xuống chiếc chiếu đã trải sẵn dưới nền phòng khách từ trước để đánh bài ăn tiền bằng hình thức đánh “Liêng” với mức thấp nhất mỗi ván là 20.000 đồng, cao nhất là 200.000 đồng. Khoảng 10 Phút sau thì lần lượt có Trần Đức H và Lê Văn P đến tham gia đánh bạc cùng với L, D, N và N. Đến khoảng 15 giờ 00 Phút cùng ngày, L và H thua hết tiền nên đi về thì lần lượt Trần Văn P, Nguyễn Văn N, Cao Xuân B và Lê Văn T vào tham gia đánh bạc cùng với N, D, N và P. Khoảng 17 giờ 40 Phút cùng ngày, khi P, N, B, P, T và N đang đánh bạc thì bị tổ công tác của Công an Huyện G phối hợp với Công an xã G phát hiện, bắt quả tang. Qua điều tra và tại phiên tòa xác định tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bài ăn tiền ngày 09/4/2020 là 5.280.000 đồng. Riêng đối với Trần Đức H và Trương Quang L là hai bị cáo đã ra về trước khi các bị cáo Trần Văn P, Nguyễn Văn N, Cao Xuân B và Lê Văn T vào tham gia chơi và trước khi cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang. Quá trình đánh bài ăn tiền H và L chỉ tham gia đánh bài ăn tiền cùng với N, P, D và N, nên không thể buộc H và L phải chịu trách nhiệm đối với số tiền mà các bị cáo khác vào tham gia sau là các bị cáo Trần Văn P, Nguyễn Văn N, Cao Xuân B và Lê Văn T. Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã chứng minh số tiền H và L sử dụng vào việc đánh bài ăn tiền là 1.620.000 đồng (bao gồm 800.000 đồng của N; 270.000 đồng của P; 70.000 đồng của D; 30.000 đồng của H; 250.000 đồng của L và 200.000 đồng của Cao Văn N), nhưng do Trần Đức H là người đang có 01 tiền sự về hành vi đánh bạc, Trương Quang L là người đang có 01 tiền án về tội đánh bạc nên hai bị cáo này vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án này. Đối với các bị cáo Trần Văn P, Nguyễn Văn N, Cao Xuân B và Lê Văn T rõ ràng đã biết các bị cáo Bùi Văn N, Lê Văn P, Hà Thế D và Cao Văn N đang đánh bài ăn tiền nhưng vẫn tham gia cho đến

khi bị bắt nên đương nhiên phải chịu trách nhiệm về tổng số tiền toàn bộ các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bài ăn tiền là 5.280.000 đồng.

Lời nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với nhau và với lời khai người có quyền lợi liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó đã có đủ cơ sở khẳng định các bị cáo có hành vi đánh bài ăn tiền nên đã phạm tội “Đánh bạc”. Căn cứ vào tính chất, mức độ, nhân thân của các bị cáo và số tiền các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc, Viện kiểm sát nhân dân Huyện G truy tố các bị cáo theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, an toàn công cộng được pháp luật bảo vệ.

[4] Các bị cáo là người đã thành niên, đa số có gia đình vợ con đang hoàng nhưng không chịu rèn luyện, tu chí làm ăn chân chính. Chỉ vì mong muốn kiếm tiền bất chính dẫn đến phạm tội. Do đó cần phải có biện pháp xử lý nghiêm minh tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[5] Về vai trò: Bị cáo Bùi Văn N là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác phạm tội nên giữ vai trò đầu; Các bị cáo Lê Văn P, Cao Xuân B, Trần Văn P, Nguyễn Văn N, Lê Văn T tích cực tham gia đánh bạc cho đến khi bị bắt nên giữ vai trò thứ hai; Các bị cáo Hà Thế D, Cao Văn N, Trương Quang L, Trần Đức H giữ vai trò thứ ba trong vụ án.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải, đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo các điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS(Riêng bị cáo L không được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS). Bị cáo Trương Quang L có hoàn cảnh gia đình khó khăn, con bị bệnh não cơ giật; bị cáo Cao Văn N có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 BLHS.

Trên cơ sở tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét các bị cáo L và H có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, số tiền tham gia đánh bạc là nhỏ nên không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần cải tạo không giam giữ tại địa P cũng đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người tốt đồng thời đảm bảo tính răn đe, giáo dục phòng ngừa chung. Thời gian tạm giữ 03 ngày của bị cáo L tại bản án số 59/2017/HSST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân Huyện G được quy đổi thành 09 ngày cải tạo không giam giữ để trừ vào thời gian chấp hành án. Cần khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo L là 12%/tháng tương ứng với số tiền 444.000 đồng/tháng để nộp ngân sách Nhà nước, khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo H là 10%/tháng tương ứng với số tiền 400.000 đồng/tháng để nộp ngân sách Nhà nước. Xét các bị cáo Bùi Văn N, Hà Thế D, Cao Văn N, Lê Văn P, Cao Xuân B, Trần Văn P, Nguyễn Văn N, Lê Văn T có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần phạt tiền đối với các bị cáo này cũng đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người tốt đồng thời đảm bảo tính răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo L đã từng bị kết án về tội đánh bạc; bị cáo H có tiền sự về hành vi đánh bạc nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo này là thỏa đáng.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 5.280.000 đồng (bao gồm 1.600.000 đồng thu trên chiếu bạc; 1.000.000 đồng thu của N; 1.400.000 đồng thu của B; 810.000 đồng thu của N và 470.000 đồng nằm trong số tiền 3.770.000 đồng của P đã vớt trong gầm tủ khi bị bắt quả tang). Là tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A20 thu của Cao Xuân B và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 vỏ màu bạc thu của Nguyễn Văn N. Quá trình điều tra xác định, 02 chiếc điện thoại trên B và N sử dụng liên lạc để rủ nhau đánh bạc, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 7.000.000 đồng (gồm 3.300.000 đồng trong tổng số tiền 3.770.000 đồng của Lê Văn P đã vớt trong gầm tủ khi bị bắt quả tang; 3.700.000 đồng thu của Trần Văn P), quá trình điều tra xác định là tiền mà P và P lao động mà có, không sử dụng vào việc đánh bạc; vì vậy trả lại cho P và P, tuy nhiên cần tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Đối với 02 bộ bài tú lơ khơ mỗi bộ 52 quân và 01 chiếu cói là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động Vivo, vỏ màu đen thu của P; 01 điện thoại di động Mobii Star, vỏ màu đen thu của N; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6, vỏ màu vàng và 01 ví giả da màu nâu thu của P; 01 điện thoại di động nhãn Iphone 6, vỏ màu bạc thu của T. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định các bị cáo không sử dụng vào việc đánh bạc. Vì vậy Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Huyện G đã trả lại số tài sản trên cho các bị cáo là phù hợp.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave 110, biển kiểm soát 35H5-0417, màu sơn xanh thu giữ tại sân nhà N. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định chiếc xe trên là tài sản hợp pháp của anh Trần Đức H cho B mượn. Việc B sử dụng xe mô tô đi đến nhà N để đánh bạc anh H không biết. Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave 110, biển kiểm soát 18C1-015.00, màu sơn đỏ - đen. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định chiếc xe trên là tài sản hợp pháp của chị Vũ Thị Q cho T mượn. Việc T sử dụng xe mô tô đi đến nhà N để đánh bạc, chị Q không biết. Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Future Neo, biển kiểm soát 35H5-7034, màu sơn đỏ - đen. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định chiếc xe là tài sản hợp pháp của ông Trần N H cho P mượn. Việc P sử dụng xe mô tô đi đến nhà N để đánh bạc ông H không biết. Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave 110, biển kiểm soát 35N1-3101, màu sơn xanh. Quá trình điều tra xác định chiếc xe là tài sản hợp pháp của ông Trần Đăng P cho Lê Văn P mượn. Việc P sử dụng xe mô tô đi đến nhà N để đánh bạc ông Pha không biết. Do đó Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Huyện G đã trả lại các xe mô tô nêu trên cho các chủ sở hữu là phù hợp.

Đối với chiếc điện thoại của D mà N mượn để gọi điện cho L rủ đánh bạc. Quá trình điều tra xác định, D không biết việc N gọi cho L rủ đánh bạc. Sau khi ở nhà N về, D đã làm rơi mất điện thoại trên, không biết rơi ở đâu, do đó không có căn cứ để truy tìm và xử lý nên không có cơ sở để xử lý trong vụ án này.

Đối với chiếc điện thoại của L dùng để nghe N gọi rủ tham gia đánh bạc tại nhà N. Quá trình điều tra xác định sau khi L đi về kéo cá đã làm rơi mất, không biết

roi ở đâu, do đó không có căn cứ để truy tìm nên không có cơ sở để xử lý trong vụ án này.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo Bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trương Quang L; Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Đức H; Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Bùi Văn N, Hà Thế D, Cao Văn N, Lê Văn P, Cao Xuân B, Trần Văn P, Nguyễn Văn N, Lê Văn T (riêng bị cáo N được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51). Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Văn N, Hà Thế D, Cao Văn N, Lê Văn P, Cao Xuân B, Trần Văn P, Nguyễn Văn N, Lê Văn T, Trương Quang L và Trần Đức H phạm tội "Đánh bạc".

Xử phạt bị cáo Trương Quang L 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 03 ngày tạm giữ được quy đổi thành 09 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ còn phải chấp hành là 14 tháng 21 ngày. Thời gian chấp hành án tính từ ngày Ủy ban nhân dân (UBND) xã G nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án. Khấu trừ 12% thu nhập của L trong 14 (mười bốn) tháng, mỗi tháng là 444.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) và trong 21 ngày với số tiền là 310.800 đồng (Ba trăm mười nghìn tám trăm đồng) để nộp ngân sách Nhà nước. Phạt bổ sung bị cáo L 11.000.000 đồng. Giao bị cáo Trương Quang L cho UBND xã G, Huyện G, tỉnh N giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo L có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa P trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Xử phạt bị cáo Trần Đức H 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày UBND xã G nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án. Khấu trừ 10% thu nhập của H trong 12 (Mười hai) tháng, mỗi tháng là 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) để nộp ngân sách Nhà nước. Phạt bổ sung bị cáo H 10.000.000 đồng. Giao bị cáo Trần Đức H cho UBND xã G, Huyện G, tỉnh N giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo H có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa P trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn N 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Xử phạt các bị cáo Lê Văn P, Cao Xuân B, Trần Văn P, Nguyễn Văn N, Lê Văn T, mỗi bị cáo 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng).

Xử phạt các bị cáo Hà Thế D, Cao Văn N mỗi bị cáo 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng).

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 5.280.000 đồng (Năm triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) (Trong tổng số tiền 12.280.000 đồng đang gửi tại tài khoản tạm gửi của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện G); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A20 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 vỏ màu bạc.

- Trả lại cho bị cáo Lê Văn P số tiền 3.300.000 đồng (Trong tổng số tiền 12.280.000 đồng đang gửi tại tài khoản tạm gửi của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện G) nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn P số tiền 3.700.000 đồng (Trong tổng số tiền 12.280.000 đồng đang gửi tại tài khoản tạm gửi của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện G) nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu huỷ 02 bộ bài tú lơ khơ mỗi bộ 52 quân, 01 chiếc cói. (Đặc điểm chi tiết như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện G với Chi cục Thi hành án dân sự Huyện G, ngày 15/7/2020).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Bùi Văn N, Hà Thế D, Cao Văn N, Lê Văn P, Cao Xuân B, Trần Văn P, Nguyễn Văn N, Lê Văn T, Trương Quang L và Trần Đức H mỗi người phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Người phải thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh N;
- CQĐT Công an Huyện G;
- Thi hành án dân sự H. G;
- Viện kiểm sát H. G;
- Bị cáo;
- Người thân gia TT khác;
- Lưu HS, VP

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hữu Q